

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 06-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung;

Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Ông Nguyễn Văn Thủy

Ông: Ông Lý Đình Đạt

Ông: Ông Đặng Ngọc Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2024/TLST-HS ngày 14/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST – HS ngày 24/12/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Ngọc T**; sinh năm: 1985; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Họ tên bố: Đỗ Khắc T1, sinh năm 1957; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; Họ tên vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1984; Con: Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Ngọc T: Luật sư Trần Văn A và Luật sư Nguyễn Thị H – Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh B; Địa chỉ: Số E, đường L, P.T, TP ., tỉnh Bắc Giang (Luật sư A vắng mặt, Luật sư H có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Hoàng Thanh S, sinh năm 1979, trú tại: Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
3. Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1975, trú tại: T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)
4. Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986, trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
5. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993, trú tại: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Vắng mặt)
6. Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1982, trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Anh Võ Song P1, sinh năm 1984, trú tại: Số A, đường V, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
8. Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1981, trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
9. Anh Lý Ty D, sinh năm 1980, trú tại: TDP T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)
10. Anh Dương Ngọc T3, sinh năm 1984, trú tại TDP Đ, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Ngọc T, sinh năm 1985, trú tại: Khu F, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh hoạt động kinh doanh mua bán xe ô tô cũ từ khoảng năm 2013. Quá trình kinh doanh, T sử dụng số điện thoại 0964.999.740 và đăng ký tài khoản Zalo lấy tên “Thịnh Đầu T4 - Bắc Ninh” (từ tháng 5/2024 đổi là “Thịnh Bắc Ninh”) để mua bán xe. Đầu năm 2024, do làm ăn thua lỗ nên T chấm dứt hoạt động kinh doanh. Lúc này, T nảy sinh ý định lợi dụng sự hiểu biết và uy tín của bản thân trong cộng đồng mua bán xe ô tô cũ nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách mua xe. Trong thời gian từ tháng 02/2024 đến tháng 5/2024, T đã lấy các hình ảnh xe ô tô cũ đang được rao bán trên mạng Internet hoặc do người bán xe gửi cho T rồi đăng lên trang Zalo cá nhân của T để rao bán. Khi có khách liên hệ hỏi mua, T đưa ra giá bán thấp hơn so với giá thị trường để chào mời. Nếu khách đồng ý mua thì T yêu cầu khách phải đặt cọc hoặc trả đủ tiền mua xe qua tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T rồi chiếm đoạt. Bằng thủ đoạn trên, T đã thực hiện 10 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền là 754.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn triệu đồng) của 10 bị hại. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 01: Ngày 17/3/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze màu trắng, sản xuất năm 2017 (kèm hình ảnh xe che biển kiểm soát). Anh Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc đã liên hệ với T để hỏi mua. Hai bên thống nhất mua bán với giá 238.000.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu đồng), T yêu cầu anh Ngọc A1

phải đặt cọc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hẹn giao xe tại nhà Ngọc A1. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với T nên anh Ngọc A1 tin tưởng đã sử dụng tài khoản ngân hàng A2 số 2806205204190 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Ngày 18/3/2024, T yêu cầu anh Ngọc A1 chuyển tiếp 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) để T mua xe của chủ thì anh Ngọc A1 tiếp tục chuyển khoản cho T 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh Ngọc A1. Tổng số tiền T chiếm đoạt của anh Ngọc A1 là **200.000.000** đồng (hai trăm triệu đồng).

Vụ thứ 02: Ngày 20/3/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Colorado màu đen, sản xuất năm 2018 (kèm hình ảnh xe che biển kiểm soát). Anh Hoàng Thanh S, sinh năm 1979, trú tại: Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông đã liên lạc với T qua zalo hỏi mua. Hai bên thống nhất mua bán giá 185.000.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). T yêu cầu phải đặt cọc trước 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), T hẹn sẽ giao xe cho anh S tại nhà. Do tin tưởng nên anh S sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 0330177868868 của mình chuyển khoản **50.000.000 đồng** (năm mươi triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T. Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh S.

Vụ thứ 03: Ngày 25/3/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen, sản xuất năm 2011 (kèm hình ảnh xe che biển kiểm soát). Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1975, trú tại: T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang liên lạc với T qua Z hỏi mua. Hai bên thỏa thuận giá mua bán là 350.000.000 đồng. T yêu cầu anh H1 phải đặt cọc trước 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và hẹn giao xe tại nhà anh H1 sau 10 ngày. Do tin tưởng vì quen biết T từ trước nên anh H1 sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 0968635626 chuyển khoản 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T để đặt cọc. Ngày 26/3/2024, T gọi điện yêu cầu anh H1 chuyển khoản thêm 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) để lấy xe. Cùng ngày, anh H1 chuyển khoản cho T 02 (hai) lần với tổng số tiền là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh H1. Tổng số tiền T chiếm đoạt là của anh H1 là **100.000.000** đồng (một trăm triệu đồng).

Vụ thứ 04: Ngày 26/3/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 30A-121.89, sản xuất năm 2020 (kèm hình ảnh xe). Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1986, trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh liên lạc với T qua zalo để hỏi mua thì T nói xe đang trả góp ngân hàng, nếu anh V mua thì phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), T sẽ làm thủ tục

lấy xe về giao cho anh V sau 05 ngày, sau khi xem xe sẽ thỏa thuận về giá mua bán. Do tin tưởng vì có mối quan hệ quen biết từ trước với T nên anh V đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng T6 số 19029608748015 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T **20.000.000** đồng (hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh V.

Vụ thứ 05: Ngày 08/4/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu đen, sản xuất năm 2011, biển kiểm soát 24A-01128, xe bị tại nạn nhẹ (kèm hình ảnh xe). Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993, trú tại: Thôn C, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế liên lạc với T hỏi mua. Hai bên thống nhất mua bán với giá 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng), T yêu cầu anh T2 phải đặt cọc trước 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và hẹn giao xe tại Garage của anh T2 ở Hà Nội. Anh T2 đồng ý và chuyển khoản cho T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngày 10/4/2024, anh T2 thấy trang Zalo của T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu BMW X6, màu đỏ, sản xuất năm 2008, biển kiểm soát 12K-1616, xe bị tại nạn nhẹ (kèm hình ảnh xe), anh T2 liên lạc với T hỏi mua thì T nói giá xe là 163.000.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu đồng), T yêu cầu anh T2 phải đặt cọc trước 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Do tin tưởng T, anh T2 đồng ý và chuyển khoản cho T 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Ngày 11/4/2024, anh T2 tiếp tục thấy trên Zalo của T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova màu bạc, sản xuất năm 2011, xe bị tại nạn nhẹ (kèm hình ảnh xe không có biển kiểm soát). Anh T2 liên hệ để hỏi mua thì T nói xe của chủ ở Đắc Lắc và bán với giá 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng), T yêu cầu anh T2 nếu mua thì phải chuyển đủ tiền. Cùng ngày, anh T2 đã chuyển khoản cho T 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Sau các lần nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh T2.

Các lần chuyển khoản, anh T2 đều sử dụng tài khoản ngân hàng T6 số 19035352112010 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T. Tổng số tiền T chiếm đoạt của anh T2 là **190.000.000** đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Vụ thứ 06: Ngày 10/4/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu BMW X6 màu đỏ, sản xuất năm 2008, biển kiểm soát 12K-1616 (kèm hình ảnh xe). Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1982, trú tại: Thôn C, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội gọi điện cho T để hỏi mua. Hai bên thỏa thuận mua bán giá 164.000.000 đồng (một trăm sáu mươi tư triệu đồng), T yêu cầu anh P phải đặt cọc trước 64.000.000 đồng (sáu mươi tư triệu đồng) và hẹn giao xe tại nhà anh P. Do có mối quan hệ quen biết từ trước với T nên anh P sử dụng tài khoản ngân hàng B

chuyển khoản **64.000.000 đồng** (sáu mươi tư triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T. Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh P.

Vụ thứ 07: Ngày 26/4/2024, T đăng bài rao bán xe ô tô nhãn hiệu Daewoo Lacetti màu xám, sản xuất năm 2010, biển kiểm soát 51H-401.67 (kèm hình ảnh xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe) với giá 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng). Anh Võ Song P1, sinh năm 1984, trú tại: Số A, đường V, Khóm A, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng liên lạc với T qua zalo để hỏi mua thì T yêu cầu chuyển tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), T sẽ giao xe đến nhà anh P1. Anh P1 đồng ý mua nhưng chỉ đồng ý đặt cọc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thì T đồng ý. Anh P1 sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 798488888888 chuyển khoản 02 (hai) lần với tổng số tiền **30.000.000 đồng** (ba mươi triệu đồng) vào tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T. Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh P1.

Vụ thứ 08: Ngày 28/4/2024, T đăng thông tin rao bán xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu bạc, sản xuất năm 2011 (kèm hình ảnh xe che biển kiểm soát). Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1981, trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã liên hệ với T qua Zalo để hỏi mua. Hai bên thống nhất giá mua bán là 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng), T yêu cầu anh L phải đặt cọc trước 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và hẹn sẽ giao xe tại nhà anh L. Do tin tưởng nên anh L sử dụng tài khoản ngân hàng M1 số 0972482999 chuyển khoản đến tài khoản V1 số 107868807764 của T **40.000.000 đồng** (bốn mươi triệu đồng) như thỏa thuận. Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh L.

Vụ thứ 09: Ngày 08/5/2024, T đăng thông tin rao bán xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 99A-121.89, sản xuất năm 2008 (kèm hình ảnh xe) với giá 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng). Anh Lý Ty D, sinh năm 1980, trú tại: TDP T, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang liên hệ với T qua Z để hỏi mua. T yêu cầu anh D phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và hẹn giao xe tại nhà anh D. Do tin tưởng nên anh D sử dụng tài khoản ngân hàng A2 số 2504205419868 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến trưa ngày 9/5/2024, T yêu cầu anh D chuyển tiếp 20.000.000 đồng tiền mua xe mới giao xe thì anh D tiếp tục chuyển khoản cho T thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh D. Tổng số tiền T chiếm đoạt của anh D là **40.000.000 đồng** (Bốn mươi triệu đồng).

Vụ thứ 10: Ngày 09/5/2024, T đăng thông tin rao bán xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, sản xuất năm 2014, số sàn, máy dầu (kèm hình ảnh xe che biển kiểm soát). Anh Dương Ngọc T5, sinh năm 1984, trú tại TDP Đ, thị trấn Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên liên lạc với T qua Z để hỏi mua. T bảo anh T5 giá xe là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), yêu cầu anh T5 phải đặt cọc trước 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và hẹn giao xe tại nhà anh T5 vào ngày 10/5/2024. Do tin tưởng vì quen biết T từ trước nên anh T5 sử dụng tài khoản ngân hàng V1 số 107871322883 chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V1 số 107868807764 của T **20.000.000 đồng** (hai mươi triệu đồng). Sau khi nhận tiền, T sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không giao xe và không trả tiền anh T5.

Anh Nguyễn Ngọc A1, anh Hoàng Thanh S, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Xuân P, anh Võ Song P1, anh Nguyễn Tiến L, anh Lý Ty D, anh Dương Ngọc T3 sau khi bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã có đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L (Bút lục 290-292; 306-308; 341-343; 362-363; 394-396; 513; 532-533; 556-557; 573-574; 594-595). Các bị hại giao nộp sao kê tài khoản ngân hàng chuyển tiền cho T và các đoạn tin nhắn thể hiện việc T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bút lục 512; 521-531; 553-555; 575; 657-659).

Ngày 27/6/2024, Đỗ Ngọc T đến Công an huyện L đầu thú khai nhận hành vi phạm tội như trên (Bút lục 36).

Về vật chứng: Thu giữ 01 chiếc điện thoại di động Galaxy A73 5G là điện thoại của Đỗ Ngọc T sử dụng vào hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Ngọc A1, anh Hoàng Thanh S, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Xuân P, anh Võ Song P1, anh Nguyễn Tiến L, anh Lý Ty D và anh Dương Ngọc T3 đều yêu cầu T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Đến nay T đã tự nguyện trả anh P số tiền 30.000.000 đồng, trả anh P1 số tiền 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-P2 ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Đỗ Ngọc Thịnh có lý lịch nêu trên về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

* Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Bị cáo Đỗ Ngọc T:

từ 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 719.000.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc A1 200.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Hoàng Thanh S 50.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Hoàng Văn H1 100.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 190.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Xuân P 34.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Võ Song P1 số tiền 25.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Tiến L 40.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Lý Ty D 40.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Dương Ngọc T3 20.000.000 đồng.

Về xử lý tài sản, vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A73 5G, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 phong bì Công an huyện L theo quy định ký hiệu “ĐT THỊNH”

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang)

Về án phí: Áp dụng Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 32.760.000 (Ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Luật sư của bị cáo T tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị là nghiêm khắc. Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bản thân đã khắc phục một phần hậu quả, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt từ 10 năm đến 12 năm tù.

Bị cáo nhất trí với ý kiến tranh luận của người bảo chữa.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và bản luận tội.

Sau khi tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc bố, mẹ và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã cơ bản thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng, bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người này, nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên đảm bảo đúng quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi theo bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định:

Từ tháng 3/2024 đến cuối tháng 5/2024, Đỗ Ngọc T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn sử dụng hình ảnh xe ô tô cũ rao bán trên mạng xã hội Zalo. Khi có người liên lạc hỏi mua xe, T yêu cầu đặt cọc trước một khoản tiền để làm tin. Sau khi nhận được tiền, T chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết, không giao xe cho khách đặt cọc.

Với thủ đoạn trên, Đỗ Ngọc T đã chiếm đoạt của 10 người bị hại với tổng số tiền là: **754.000.000** đồng (Bảy trăm năm mươi tư triệu đồng), trong đó:

- Ngày 17/3/2024 và 18/3/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Ngọc A1 tổng cộng 200.000.000 đồng.

- Ngày 20/3/2024, chiếm đoạt của anh Hoàng Thanh S 50.000.000 đồng.

- Ngày 25/3/2024 và 26/3/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H2 tổng cộng 100.000.000 đồng.

- Ngày 26/3/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng.
- Ngày 08/4/2024, ngày 10/4/2024 và ngày 11/4/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T2 tổng cộng 190.000.000 đồng.
- Ngày 10/4/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân P 64.000.000 đồng.
- Ngày 26/4/2024, chiếm đoạt của anh Võ Song P1 số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 28/4/2024, chiếm đoạt của anh Nguyễn Tiến L 40.000.000 đồng.
- Ngày 09/5/2024, chiếm đoạt của anh Lý Ty D 40.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Dương Ngọc T3 20.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đỗ Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Cáo trạng số 64/CT-VKS-P2 ngày 12/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[5]. Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú, tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại là anh Hoàng Văn H1 xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo bị cáo nhận ra sai phạm của mình, rèn luyện thành công dân tốt, biết tuân thủ pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Số tiền bị cáo chưa bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại lớn, bị cáo không còn tài sản hoặc nguồn thu nhập nào khác nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

Anh Nguyễn Ngọc A1, anh Hoàng Thanh S, anh Nguyễn Văn H2, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Xuân P, anh Võ Song P1, anh Nguyễn Tiến L, anh Lý Ty D và anh Dương Ngọc T3 đều yêu cầu T phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là phù hợp, có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, T đã tự nguyện trả anh P số tiền 30.000.000 đồng, trả anh P1 số tiền 5.000.000 đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo Đỗ Ngọc T có trách nhiệm phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 719.000.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc A1 200.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Hoàng Thanh S 50.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Hoàng Văn H1 100.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 190.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Xuân P 34.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Võ Song P1 số tiền 25.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Tiến L 40.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Lý Ty D 40.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Dương Ngọc T3 20.000.000 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A73 5G, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 phong bì Công an huyện L theo quy định ký hiệu “ĐT THỊNH” là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 32.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Ngọc T**: 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 719.000.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc A1 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bồi thường cho anh Hoàng Thanh S 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Bồi thường cho anh Hoàng Văn H1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bồi thường cho anh Nguyễn Văn V 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Bồi thường cho anh Nguyễn Xuân P 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Bồi thường cho anh Võ Song P1 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Bồi thường cho anh Nguyễn Tiến L 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bồi thường cho anh Lý Ty D 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bồi thường cho anh Dương Ngọc T3 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

3. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy A73 5G, màu đen, đã qua sử dụng được niêm phong trong 01 phong bì Công an huyện L theo quy định ký hiệu “ĐT THỊNH”

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 32.760.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Các đương sự;
- Lưu HS,THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Chung

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

